

Phương hướng triển khai học kỳ doanh nghiệp cho sinh viên Khoa Ngoại ngữ - Khoa học xã hội

Orientations for the business semester implementation for students of Faculty of Foreign Languages and Social Sciences

Lâm Ngọc Như Trúc*, Võ Kim Thùy Trang, Lê Thị Hoài Trâm

Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu

*Email tác giả liên hệ: tructnn@bvu.edu.vn

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 14/04/2025 Ngày nhận lại: 02/06/2025 Duyệt đăng: 11/06/2025	Học kỳ doanh nghiệp (HKDN) là mô hình đào tạo gắn kết giữa nhà trường, doanh nghiệp và sinh viên nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển kỹ năng mềm và năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về nhu cầu doanh nghiệp, quy trình triển khai, tiêu chí đánh giá và tiêu chuẩn đối với doanh nghiệp trong HKDN cho sinh viên Khoa Ngoại ngữ - Khoa học xã hội, Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu thông qua khảo sát 33 doanh nghiệp và đánh giá từ giảng viên. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra 6 tiêu chuẩn của doanh nghiệp tham gia HKDN, những kỹ năng mà doanh nghiệp đánh giá cao như giao tiếp, làm việc nhóm, xử lý tình huống và khả năng thích ứng. Nghiên cứu đề xuất quy trình 14 bước triển khai HKDN và hệ thống tiêu chí đánh giá HKDN, nhằm giúp sinh viên áp dụng được kiến thức và kỹ năng vào thực tế. Một số kết luận và đề xuất được đưa ra nhằm giúp Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả của HKDN trong thời gian tới.
<i>Từ khóa:</i> Học kỳ doanh nghiệp, sinh viên Khoa NN-KHXH, tiêu chuẩn của doanh nghiệp, quy trình triển khai HKDN, tiêu chí đánh giá HKDN	ABSTRACT The business semester (HKDN) is a training model that links universities, businesses and students to contribute to improving the quality of training, developing soft skills and professional capacity for students. This paper presents the results of a study on business needs, implementation process, evaluation criteria, and standards for business participation in the business semester for students of Faculty of Foreign Languages and Social Sciences, Ba Ria-Vung Tau University based on a survey of 33 businesses and evaluations from lecturers. The results of the study indicate the standards of businesses participating in the business semester, key employability skills such as communication, teamwork, problem-solving, and adaptability. The study proposes a 14-step implementation process and a comprehensive evaluation framework to help students apply academic knowledge into practice. Some conclusions and recommendations are considered to help the Faculty and BVU improve the quality and effectiveness of the business semester in the coming time.
<i>Keywords:</i> Business semester, students of Faculty of Foreign Languages and Social Sciences, standards of businesses, implementation process, comprehensive evaluation framework	

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đang hướng tới việc tăng cường liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, mô hình HKDN được

xem như một giải pháp mang tính thực tiễn và hiệu quả. HKDN là giai đoạn chuyển tiếp giữa môi trường học tập với xã hội thực tiễn, là giai đoạn vừa làm vừa học của sinh viên. HKDN là việc chuyển giao nhân sự và chuyển giao tri thức có liên quan đến 3 bên: cơ sở đào tạo, tổ chức sử dụng lao động và người học thông qua một quá trình. HKDN giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp, đồng thời rèn luyện kỹ năng, thái độ và hình thành năng lực nghề nghiệp để tham gia thị trường lao động ngay sau khi kết thúc quá trình đào tạo. Hoạt động này giúp Nhà trường và doanh nghiệp thắt chặt mối quan hệ hợp tác, đạt được mục đích chung là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn của xã hội.

Đây là mô hình đào tạo đã được áp dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia phát triển, giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận thực tế, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và định hướng rõ ràng cho con đường phát triển sự nghiệp sau tốt nghiệp. Tuy nhiên, tại Việt Nam, việc triển khai HKDN còn gặp nhiều thách thức về quy trình tổ chức, tiêu chí đánh giá, cũng như sự phối hợp giữa Nhà trường và doanh nghiệp, đặc biệt trong khối ngành Ngoại ngữ - Khoa học xã hội.

Hiện nay, tại Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu (BVU), việc triển khai HKDN đã được xúc tiến triển khai đồng bộ cho tất cả các ngành đào tạo chính quy, trong đó bao gồm cả khối ngành ngoại ngữ. Chính vì vậy, Khoa Ngoại ngữ – Khoa học xã hội (Khoa NN-KHXX) đã thực hiện nghiên cứu này nhằm mục đích xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đối với doanh nghiệp tham gia HKDN và bộ tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên qua 3 học phần: Thực tập tốt nghiệp, Văn hóa doanh nghiệp và Thực hành kỹ năng nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất quy trình triển khai phù hợp và xác định rõ vai trò của từng bên liên quan trong HKDN.

Bài báo trình bày tổng quan cơ sở lý thuyết và kinh nghiệm thực tế triển khai HKDN tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước, khảo sát nhu cầu và kỳ vọng của doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập, từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp triển khai HKDN hiệu quả cho sinh viên khối ngành ngoại ngữ thuộc Khoa NN-KHXX của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Cơ sở lý thuyết

HKDN là mô hình đào tạo kết hợp giữa học tập tại trường và trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, với mục tiêu tăng cường tính ứng dụng của kiến thức và phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Theo Narayanan, Yang & Zahra (2009), HKDN là quá trình chuyển giao tri thức và nhân lực giữa ba bên: nhà trường, doanh nghiệp và người học, trong đó mỗi bên theo đuổi mục tiêu riêng nhưng cùng góp phần vào sự phát triển năng lực của sinh viên. Nghiên cứu này cũng nhấn mạnh vai trò của sự phối hợp hiệu quả giữa các bên để nâng cao chất lượng thực tập [10].

Garavan & Murphy (2001) và Bowers & Nelson (1991) chỉ ra rằng HKDN giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghề nghiệp cụ thể như kỹ năng viết, giao tiếp, tư duy phản biện và khả năng đưa kiến thức trừu tượng vào ngữ cảnh thực tế [7], [5]. Đồng thời, nghiên cứu của Matthews & Zimmerman (1999) cho thấy sinh viên tham gia HKDN thường cải thiện rõ rệt khả năng giải quyết vấn đề và hùng biện [8]. Bên cạnh đó, Brooks (1995) và Pedro (1984) khẳng định HKDN giúp sinh viên xác định rõ định hướng nghề nghiệp và đưa ra quyết định phù hợp hơn sau khi tốt nghiệp [4], [12]. Theo Paulson & Baker (1999) HKDN giúp sinh viên giảm được những cú sốc tâm lý khi đối mặt với công việc thực tế [11]. Đặc biệt, HKDN giúp những bạn trẻ hiểu rõ những yêu cầu từ nhà tuyển dụng và thị trường lao động - dù muốn làm việc trong các doanh nghiệp hay tự mình khởi nghiệp. Mô hình HKDN chính là giải pháp để các bạn có dịp khám phá những yêu cầu đó, ngay trong thời gian học chính khóa.

Để khẳng định tầm quan trọng của HKDN, nhóm tác giả Trần Thị Ngọc Lan, Bùi Hồng Đăng, Đặng Văn Thọ và Trần Thành Trung với bài báo nghiên cứu “Các yếu tố ảnh

hưởng đến kết quả HKDN: nghiên cứu tại Trường Đại Học Công Nghiệp Thực Phẩm thành phố Hồ Chí Minh” được đăng trên tạp chí Khoa học Công nghệ và Thực phẩm ngày 11/7/2022 đã nhấn mạnh việc học tập tại trường giúp sinh viên nắm vững lý thuyết chuyên ngành, nhưng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, sinh viên cần được trải nghiệm môi trường làm việc thực tế tại các cơ quan doanh nghiệp [16]. Chính vì vậy, HKDN là một học phần quan trọng, giúp sinh viên hiểu rõ sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tiễn, từ đó tích lũy kinh nghiệm và chuẩn bị tốt hơn trước khi tốt nghiệp.

Theo nhóm tác giả nghiên cứu Nguyễn Thị Diễm Tuyết, Ngô An, Lư Nguyễn Xuân Thanh và Ngô Xuân Hào thông qua bài báo “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chương trình HKDN tại Khoa Du lịch – Trường Đại học Văn Hiến” được đăng trên tạp chí Khoa Học Đại Học Văn Hiến ngày 16/11/202, HKDN đã mang lại những lợi ích thiết thực cho sinh viên, doanh nghiệp và Nhà trường. Sinh viên được trải nghiệm thực tế, nâng cao kỹ năng và định hướng nghề nghiệp, tăng cường cơ hội tìm được việc làm nhanh sau khi tốt nghiệp; doanh nghiệp có cơ hội tuyển chọn nhân sự phù hợp và thể hiện trách nhiệm xã hội; nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết chương trình học với nhu cầu thực tiễn [17].

Đồng quan điểm với nhóm nghiên cứu đến từ Khoa Du Lịch-Trường Đại Học Văn Hiến, tác giả của bài báo nghiên cứu “Sinh viên với HKDN (nghiên cứu trường hợp Khoa Du Lịch Ngoại Ngữ, Trường Đại Học Thành Đô)” được đăng trên tạp chí Nghiên cứu Khoa Học và Phát Triển ngày 27/12/2024-Phan Thị Phương Thảo nhận định rằng HKDN là một hoạt động quan trọng giúp nhà trường đánh giá toàn diện năng lực và khả năng thích ứng thực tế của sinh viên, cũng như mức độ hỗ trợ từ phía doanh nghiệp và cơ sở đào tạo. Qua đó, nhà trường có thể so sánh kết quả thực tế với chuẩn đầu ra của chương trình, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của sinh viên [18].

Ở Việt Nam, khung pháp lý về liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp đã được quy định tại Luật Giáo dục Đại học 2018 [15] và Nghị quyết số 20-NQ/TW của Trung ương Đảng [14], trong đó khuyến khích việc gắn kết đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và tăng cường hợp tác với doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc triển khai HKDN còn chưa đồng bộ, đặc biệt trong các ngành khoa học xã hội và ngoại ngữ, do thiếu khung hướng dẫn cụ thể, tiêu chí đánh giá rõ ràng và mạng lưới doanh nghiệp phù hợp.

Dựa trên các nghiên cứu tiền đề và thực trạng triển khai tại Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu, nhóm nghiên cứu đề xuất khung phân tích gồm ba luận điểm chính:

- (1) Quy trình triển khai HKDN;
- (2) Tiêu chuẩn đối với doanh nghiệp tham gia HKDN;
- (3) Bộ tiêu chí đánh giá kết quả học tập, tham gia HKDN của sinh viên.

Khung phân tích này là cơ sở để xây dựng mô hình triển khai HKDN phù hợp với điều kiện thực tiễn của Khoa NN-KHXXH giúp mang đến những lợi ích tối ưu cho sinh viên của Khoa NN-KHXXH nói riêng cũng như sinh viên của BVU nói chung.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp định tính kết hợp với định lượng, nhằm khảo sát thực trạng và đề xuất phương hướng triển khai hiệu quả HKDN cho sinh viên Khoa NN-KHXXH, Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu.

Về định tính, nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp chuyên gia thông qua phỏng vấn chuyên sâu đối với các giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo và đại diện doanh nghiệp có kinh nghiệm tiếp nhận, phụ trách hướng dẫn sinh viên thực tập tại cơ sở doanh nghiệp. Dữ liệu được thu thập từ năm 2022 đến năm 2024, với mục tiêu xây dựng quy trình triển khai HKDN, tiêu chuẩn doanh nghiệp, và bộ tiêu chí đánh giá kết quả học tập phù hợp với đặc thù ngành đào tạo.

Về định lượng, nhóm nghiên cứu sử dụng khảo sát bằng bảng hỏi (Google Form) để thu thập dữ liệu từ 33 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh có hợp tác với BVU. Bảng hỏi gồm 15 câu, bao gồm cả câu hỏi đóng và mở, xoay quanh các nội dung: nhu cầu tuyển dụng sinh viên thực tập, yêu cầu kỹ năng – thái độ – thời gian thực tập, chính sách hỗ trợ sinh viên và mong đợi về kết quả đầu ra của HKDN. Dữ liệu được xử lý bằng các phương pháp thống kê mô tả, tổng hợp và phân tích để xác định các xu hướng nổi bật và yếu tố ưu tiên từ phía doanh nghiệp.

Kết hợp giữa phân tích lý thuyết và khảo sát thực tiễn, nhóm nghiên cứu tiến hành so sánh đối chiếu giữa các mô hình triển khai HKDN tại một số trường đại học trong nước và quốc tế. Từ đó, đề xuất khung phân tích gồm ba luận điểm chính: quy trình triển khai HKDN – tiêu chuẩn đối với doanh nghiệp tham gia HKDN – tiêu chí đánh giá kết quả học tập, tham gia HKDN của sinh viên, làm cơ sở để đề xuất mô hình triển khai HKDN phù hợp cho sinh viên khối ngành ngoại ngữ thuộc Khoa NN-KHXX.

Các nguồn dữ liệu thứ cấp được tham khảo bao gồm: các công trình nghiên cứu của Narayanan et al. (2009), Garavan & Murphy (2001), Matthews & Zimmerman (1999), Paulson & Baker (1999), Luật Giáo dục Đại học 2018, Nghị quyết số 20-NQ/TW và tài liệu nội bộ của BVU liên quan đến tổ chức HKDN. Ngoài ra còn có các bài báo nghiên cứu khoa học đến từ nhóm tác giả Trần Thị Ngọc Lan, Bùi Hồng Đăng, Đặng Văn Thọ và Trần Thành Trung của Trường Đại Học Công Nghiệp Thực Phẩm thành phố Hồ Chí Minh; nhóm tác giả Nguyễn Thị Diễm Tuyết, Ngô An, Lư Nguyễn Xuân Thanh và Ngô Xuân Hào đến từ Khoa Du lịch -Trường Đại học Văn Hiến và công trình nghiên cứu khoa học của tác giả Phan Thị Phương Thảo đến từ Khoa Du Lịch Ngoại Ngữ, Trường Đại Học Thành Đô.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Kết quả khảo sát doanh nghiệp, nhà tuyển dụng

Nhóm nghiên cứu đã khảo sát 33 doanh nghiệp có liên quan đến các ngành đào tạo tại Khoa NN-KHXX, bao gồm Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Đông Phương học (Ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản, Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc) và Tâm lý học. Trong đó, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng thực tập sinh cao nhất thuộc ngành Đông Phương học (51,5%), kế đến là Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc.

Bảng 1

Tỷ lệ doanh nghiệp theo ngành/chuyên ngành tiếp nhận sinh viên thực tập

Ngành/Chuyên ngành	Số lượng DN	Tỷ lệ (%)
Ngôn ngữ Anh	8	24,2%
Ngôn ngữ Trung Quốc	7	21,2%
Đông Phương học (Ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản, Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc)	17	51,5%
Tâm lý học	1	3%
Tổng	33	100%

Nguồn: [Nhóm tác giả khảo sát]

Ghi chú: Dữ liệu thu thập thông qua Google Biểu mẫu từ ngày 15/10 đến ngày 01/11/2024.

Về nhu cầu tuyển dụng hàng năm, phần lớn doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dưới 10 sinh viên (51,5%), phản ánh xu hướng tuyển dụng nhóm nhỏ, phù hợp với quy mô và ngân sách của doanh nghiệp.

Bảng 2

Nhu cầu tuyển dụng sinh viên thực tập hàng năm của doanh nghiệp

Nhu cầu tuyển dụng	Số lượng DN	Tỷ lệ (%)
<10 sinh viên	17	51,5 %

Nhu cầu tuyển dụng	Số lượng DN	Tỷ lệ (%)
Từ 10 đến 20 sinh viên	8	24,2%
Từ 20 đến 30 sinh viên	2	6,1%
> 30 sinh viên	2	6,1%
Khác	4	12%
Tổng	33	100%

Nguồn: [Nhóm tác giả khảo sát]

Ghi chú: Dữ liệu thu thập thông qua Google Biểu mẫu từ ngày 15/10 đến ngày 01/11/2024.

Về kỹ năng, các kỹ năng mềm như giao tiếp (81,8%), thích ứng nhanh (75,8%), làm việc nhóm (63,6%) và xử lý tình huống (66,7%) được đánh giá cao. Ngoại ngữ và vi tính văn phòng cũng là kỹ năng quan trọng nhưng không nổi bật bằng nhóm kỹ năng mềm.

Bảng 3

Kỹ năng doanh nghiệp ưu tiên lựa chọn khi tuyển sinh viên thực tập

Kỹ năng	Số lượt	Tỷ lệ (%)
Thành thạo chuyên môn	9	27,3%
Thành thạo vi tính văn phòng	18	54,5%
Thành thạo ngoại ngữ	19	57,6%
Kỹ năng giao tiếp	27	81,8%
Kỹ năng quan sát	17	51,5%
Kiến thức văn hóa	12	36,4%
Kỹ năng dịch thuật	6	18,2%
Kỹ năng viết báo cáo	3	9,1%
Kỹ năng làm việc nhóm	21	63,6%
Kỹ năng xử lý tình huống	22	66,7%
Kỹ năng quản lý thời gian	15	45,5%
Khả năng nghiên cứu, sáng tạo	4	12,1%
Khả năng chịu áp lực công việc	16	48,5%
Khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc thử thách, thay đổi	25	75,8%
Kinh nghiệm thực tế	9	27,3%

Nguồn: [Nhóm tác giả khảo sát]

Ghi chú: Dữ liệu thu thập thông qua Google Biểu mẫu từ ngày 15/10 đến ngày 01/11/2024.

Về thái độ, doanh nghiệp kỳ vọng sinh viên có tinh thần ham học hỏi (87,9%), chủ động và nhiệt huyết (78,8%), cam kết và có trách nhiệm (72,7%).

Bảng 4

Thái độ doanh nghiệp ưu tiên lựa chọn khi tuyển sinh viên thực tập

Thái độ của sinh viên	Số lượt	Tỷ lệ (%)
Đam mê công việc/ chuyên môn	22	66,7%
Chủ động và nhiệt huyết	26	78,8%
Ham học hỏi và tự học	29	87,9%
Cam kết và trách nhiệm	24	72,7%
Tác phong chuyên nghiệp	22	66,7%
Trách nhiệm về thời gian	18	54,5%
Có lối sống lành mạnh	16	48,5%
Có ý thức học tập và rèn luyện	21	63,6%
Có nhiệt huyết phục vụ cộng đồng	18	54,5%

Nguồn: [Nhóm tác giả khảo sát]

Ghi chú: Dữ liệu thu thập thông qua Google Biểu mẫu từ ngày 15/10 đến ngày 01/11/2024.

Về thời gian thực tập, phần lớn doanh nghiệp yêu cầu thời gian 3 tháng (63,6%), phù hợp với thời lượng HKDN của trường.

Bảng 5

Yêu cầu về thời gian sinh viên đến thực tập tại doanh nghiệp

Thời gian	Số lượt	Tỷ lệ (%)
3 tháng	21	63,6%
Từ 3 đến 6 tháng	8	24,2%
Khác	4	12%
Tổng	33	100%

Nguồn: [Nhóm tác giả khảo sát]

Ghi chú: Dữ liệu thu thập thông qua Google Biểu mẫu từ ngày 15/10 đến ngày 01/11/2024.

Về hỗ trợ chỗ ở, nhiều doanh nghiệp cung cấp ký túc xá (33,3%) hoặc phòng trọ (18,2%) cho sinh viên. Một số còn hỗ trợ phụ cấp, chi phí đi lại hoặc hỗ trợ khác tùy điều kiện.

Bảng 6

Mức độ hỗ trợ chỗ ở của doanh nghiệp dành cho sinh viên thực tập

Hỗ trợ	Số DN hỗ trợ	Tỷ lệ (%)
Kí túc xá	11	33,3%
Phòng trọ	6	18,2%
Phụ cấp	3	9,1%
Hỗ trợ xe đưa rước	1	3%
Hỗ trợ chi phí đi lại	1	3%
Không có	5	15%
Khác	6	18%
Tổng	33	100%

Nguồn: [Nhóm tác giả khảo sát]

Ghi chú: Dữ liệu thu thập thông qua Google Biểu mẫu từ ngày 15/10 đến ngày 01/11/2024.

Về hỗ trợ tài chính, đa số doanh nghiệp hỗ trợ mức lương từ 1.000.000 – 5.000.000 VNĐ/tháng (75,8%), và chỉ một số ít hỗ trợ mức cao hơn.

Bảng 7

Mức hỗ trợ lương thực tập của doanh nghiệp dành cho sinh viên

Mức hỗ trợ	Số DN hỗ trợ	Tỷ lệ (%)
1.000.000 VNĐ-5.000.000 VNĐ	25	75,8%
5.000.000 VNĐ-10.000.000 VNĐ	2	6,2%
Trên 10.000.000 VNĐ	0	0%
Khác	6	18%
Tổng	33	100%

Nguồn: [Nhóm tác giả khảo sát]

Ghi chú: Dữ liệu thu thập thông qua Google Biểu mẫu từ ngày 15/10 đến ngày 01/11/2024.

Kết luận, kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu tuyển dụng sinh viên ngành ngoại ngữ là khá cao. Doanh nghiệp đánh giá cao kỹ năng mềm, thái độ học hỏi và chủ động trong công việc, đồng thời có chính sách hỗ trợ thực tập hấp dẫn về nơi ở và tài chính cho sinh viên.

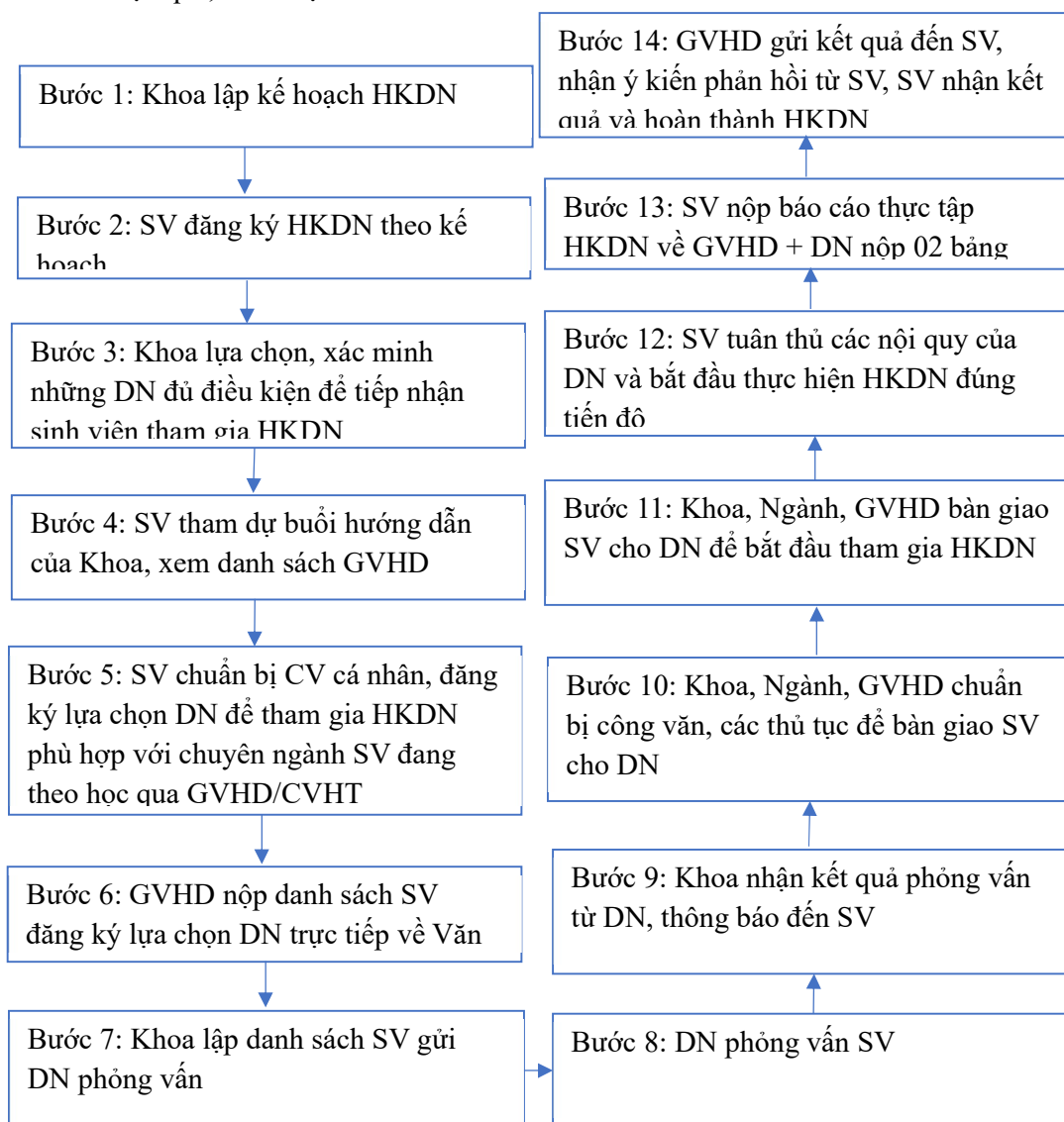
Từ kết quả khảo sát và phân tích, nhóm nghiên cứu đã xây dựng quy trình triển khai HKDN gồm 14 bước, các tiêu chuẩn cho doanh nghiệp, và tiêu chí đánh giá kết quả học phần, góp phần hoàn thiện mô hình triển khai HKDN tại Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu.

4.1.2. Quy trình triển khai HKDN

Để tổ chức và triển khai hiệu quả HKDN, Khoa NN-KHXX đã xây dựng một quy trình gồm 14 bước. Quy trình này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên chủ động đăng ký tham gia, thực hiện đầy đủ các yêu cầu, và hoàn tất HKDN như một phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trước khi tốt nghiệp.

Các bước trong quy trình được thiết kế chặt chẽ, hợp lý và logic, có sự phối hợp giữa nhà trường, doanh nghiệp và sinh viên. Cụ thể, quy trình bao gồm từ việc công bố thông tin HKDN, sinh viên đăng ký nguyện vọng, xét duyệt và phân công nơi thực tập, đến các bước giám sát, đánh giá và tổng kết kết quả thực tập.

Việc thiết lập quy trình 14 bước này không chỉ giúp sinh viên định hướng rõ ràng khi tham gia HKDN mà còn đảm bảo công tác quản lý, theo dõi của khoa và nhà trường được diễn ra hiệu quả, minh bạch.



Hình 1: Quy trình HKDN của Khoa NN-KHXX

Nguồn: [Nhóm tác giả]

4.1.3. Tiêu chuẩn đối với doanh nghiệp tham gia HKDN

Doanh nghiệp tham gia HKDN đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng và hình thành năng lực nghề nghiệp. Để đảm bảo chất lượng và hiệu quả hợp tác, doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn chung:
 - Có giấy phép kinh doanh hợp pháp.
 - Lĩnh vực hoạt động phù hợp với chuyên ngành sinh viên.
 - Ký hợp đồng thực tập rõ ràng.
 - Có chính sách bảo hiểm và quyền lợi cho sinh viên.
2. Tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội:
 - Cam kết bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng.
 - Hỗ trợ sinh viên về ăn ở, tài liệu chuyên môn và điều kiện thực tập.
3. Tiêu chuẩn về môi trường làm việc:
 - Địa điểm rõ ràng, thuận tiện.
 - Cơ sở vật chất đầy đủ, an toàn, hiện đại.
 - Môi trường làm việc công bằng, thân thiện.
4. Tiêu chuẩn về nhân sự:
 - Người hướng dẫn có chuyên môn vững, kinh nghiệm thực tiễn.
 - Kỹ năng truyền đạt, giao tiếp tốt, tận tâm hỗ trợ sinh viên.
 - Có khả năng đánh giá, giải quyết vấn đề và nắm rõ quy định pháp lý liên quan.
5. Tiêu chuẩn về chương trình thực tập:
 - Có kế hoạch thực tập rõ ràng, phù hợp năng lực sinh viên.
 - Nội dung gắn với thực tiễn ngành nghề.
 - Lịch trình linh hoạt, khuyến khích sáng tạo và sự chủ động của sinh viên.
6. Tiêu chuẩn về đánh giá:
 - Đánh giá toàn diện về kiến thức chuyên môn, thái độ làm việc, kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, kết quả công việc và khả năng thích ứng.

4.1.4. Tiêu chí đánh giá kết quả học tập, tham gia HKDN của sinh viên

Để đánh giá kết quả HKDN, Khoa Ngoại ngữ – Khoa học Xã hội xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá cho ba học phần: (đính kèm Phụ lục 1-Tiêu chí đánh giá 03 học phần trong HKDN dành cho doanh nghiệp-Khoa NN-KHXH)

1. Văn hóa doanh nghiệp – đánh giá bởi doanh nghiệp.
2. Thực hành kỹ năng nghề nghiệp – đánh giá bởi doanh nghiệp.
3. Thực tập tốt nghiệp – đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn. (đính kèm Phụ lục 2-Tiêu chí đánh giá báo cáo thực tập tốt nghiệp dành cho giảng viên hướng dẫn-Khoa NN-KHXH)

Các tiêu chí đánh giá được xây dựng nhằm phản ánh trung thực sự phát triển của sinh viên về thái độ làm việc, kỹ năng nghề nghiệp, và kết quả thực tiễn trong quá trình tham gia HKDN.

4.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình HKDN không chỉ góp phần tăng cường kỹ năng nghề nghiệp và thái độ làm việc chuyên nghiệp cho sinh viên Khoa NN-KHXX, mà còn giúp rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo hàn lâm và thực tiễn nghề nghiệp. Đây là điểm đặc biệt nổi bật của công trình, bởi trước đó, các chương trình thực tập truyền thống tại nhiều cơ sở giáo dục thường chỉ mang tính hình thức, thiếu hệ thống đánh giá chặt chẽ và ít được kết nối với yêu cầu cụ thể của doanh nghiệp.

Một trong những đóng góp quan trọng của nghiên cứu là xây dựng được quy trình triển khai HKDN gồm 14 bước chi tiết, bao quát toàn bộ tiến trình từ lập kế hoạch, phân công, giám sát đến đánh giá kết quả. So với các nghiên cứu trước như của Narayanan et al. (2009) [9], nghiên cứu này đi sâu vào khâu vận hành cụ thể, có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường – doanh nghiệp – sinh viên và được thiết kế linh hoạt theo từng ngành học. Điều này tạo ra sự tương thích cao với điều kiện thực tế của Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu, đồng thời là tiền đề để nhân rộng mô hình.

Ngoài ra, nghiên cứu đã làm rõ mong đợi cụ thể của doanh nghiệp đối với sinh viên, trong đó nổi bật là các kỹ năng mềm như: giao tiếp (81,8%), làm việc nhóm (63,6%), xử lý tình huống (66,7%) và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi (75,8%). So với các nghiên cứu của Garavan & Murphy (2001) [7] hay Matthews & Zimmerman (1999) [8], công trình này đã mở rộng phạm vi phân tích sang yếu tố “thái độ và trách nhiệm xã hội” – điều mà các nghiên cứu trước thường chưa khai thác sâu.

Điểm nổi bật khác là bộ tiêu chí đánh giá 3 học phần HKDN (Văn hóa doanh nghiệp, Thực hành kỹ năng nghề nghiệp, Thực tập tốt nghiệp) được thiết kế chi tiết, bám sát yêu cầu thực tế công việc và năng lực đầu ra của sinh viên. Cách tiếp cận này không chỉ tăng tính minh bạch trong đánh giá mà còn giúp sinh viên định hướng tốt hơn trong suốt quá trình thực tập.

So với một số mô hình tại các trường đại học khác trong và ngoài nước – nơi HKDN còn mang tính tự phát, thiếu quy trình thống nhất – nghiên cứu này cung cấp một khung triển khai có thể áp dụng ổn định, đồng thời cho thấy tiềm năng nhân rộng trong các ngành đào tạo thuộc khối KHXX và Ngoại ngữ.

Tóm lại, công trình không chỉ đóng góp vào lý luận về mô hình HKDN, mà còn mang lại giá trị thực tiễn cao thông qua khung triển khai đồng bộ, phù hợp với điều kiện của các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

5. Kết luận & Gợi ý

Nghiên cứu đã khẳng định tính cấp thiết và vai trò quan trọng của HKDN trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực thực tiễn cho sinh viên Khoa NN-KHXX, Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu. Kết quả khảo sát từ doanh nghiệp cho thấy nhu cầu tiếp nhận sinh viên thực tập khá cao, đặc biệt trong các lĩnh vực ngôn ngữ như Nhật, Hàn, Trung và Anh. Đồng thời, các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, thích ứng nhanh và xử lý tình huống được đánh giá là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả thực tập của sinh viên.

Trên cơ sở phân tích thực tiễn và lý thuyết, nhóm nghiên cứu đã đề xuất một quy trình triển khai HKDN gồm 14 bước, hệ thống tiêu chuẩn dành cho doanh nghiệp tham gia, cũng như bộ tiêu chí đánh giá 3 học phần HKDN một cách rõ ràng và khả thi. Các đề xuất này không chỉ phù hợp với đặc thù ngành nghề mà còn góp phần thiết lập mối liên kết bền vững giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Dựa trên những kết luận được đúc kết từ kết quả của nghiên cứu, Khoa NN-KHXXH đưa ra một số kiến nghị giải pháp:

1. Đối với Khoa NN-KHXXH và Nhà trường (BVU)

– Tăng cường hoạt động kết nối với doanh nghiệp, đặc biệt là mở rộng hợp tác quốc tế để tạo điều kiện cho sinh viên thực tập tại nước ngoài có hỗ trợ lương và môi trường chuyên nghiệp.

– Thường xuyên tổ chức các hoạt động kết nối giữa doanh nghiệp và sinh viên của Khoa NN-KHXXH.

– Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa cố vấn học tập của Khoa NN-KHXXH và cán bộ quản lý, phụ trách tiếp nhận, hướng dẫn sinh viên thực tập tại doanh nghiệp để đảm bảo chất lượng và theo sát quá trình học tập, tham gia HKDN của sinh viên.

2. Đối với doanh nghiệp

– Tích cực tham gia vào quá trình đào tạo bằng việc góp ý chương trình đào tạo, cung cấp vị trí thực tập, đồng thời hỗ trợ chỗ ở, phụ cấp và tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận các công việc mang tính chuyên môn cao.

– Đóng vai trò là đơn vị đồng hành trong việc đánh giá và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.

3. Đối với sinh viên

– Cần chủ động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm từ sớm, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và ngoại ngữ.

– Chuẩn bị tâm thế học hỏi, tích lũy kinh nghiệm và hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp để thích nghi tốt với môi trường doanh nghiệp.

Những kiến nghị, đề xuất trên, nếu được áp dụng đồng bộ, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả triển khai HKDN không chỉ trong phạm vi Khoa NN-KHXXH mà còn có thể mở rộng ra các khoa, ngành khác tại BVU và các cơ sở giáo dục đại học khác trong cả nước.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu, tập thể giảng viên Khoa Ngoại ngữ – Khoa học xã hội đã luôn đồng hành, hỗ trợ, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong suốt quá trình nhóm thực hiện đề tài nghiên cứu.

Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến quý doanh nghiệp, tổ chức, đối tác đã tham gia khảo sát và đóng góp ý kiến quý báu, góp phần hoàn thiện nội dung của bài nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

Bùi Ngọc Huyền Vinh, Hà Thị Hương, Nguyễn Duy Phú (2022). *Liên kết trường đại học và doanh nghiệp, góc nhìn từ một trường đại học của doanh nghiệp*. Hội thảo khoa học quốc gia “Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh mới”, Huế.

Đào Thu Trang (2022). *Tăng cường hợp tác các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp*. Hội thảo khoa học quốc gia “Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh mới”, Huế.

Lâm Ngọc Như Trúc (2023). *Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản*. Nhà xuất bản Lao Động.

Brooks, L., Cornelius, A., Greenfield, E., & Joseph, R. (1995). *The relation of career-related work or internship experiences to the career development of college seniors*. Journal of Vocational Behavior 46, P. 332-349.

Bowers, B. K., & Nelson, C. (1991). Internships in technical communication: A guide for students, faculty supervisors and internship sponsors. Arlington, VA: STC.

Carayol, N. (2003). *Objectives, Agreements and Matching in Science - Industry Collaborations. Reassembling the Pieces Of the Puzzle*. Research Policy, Vol.32(6), P.887-908.

Garavan, T. N., & Murphy, C. (2001). The co-operative education process and organizational socialization: A qualitative study of student perceptions of its effectiveness. Education Training 43, P. 281-302.

Matthews, C., & Zimmerman, B.B. (1999). Integrating service learning and technical communication: Benefits and challenges. Technical Communication Quarterly 8, P. 383-404.

Narayanan, V.K., Yang, Y., & Zahra, S.A. (2009). Corporate venturing and value creation: A review and proposed framework. Research Policy 38 (1), P. 58-76.

Paulson, S. K., & Baker, H. E. (1999). An experiential approach to facilitate anticipatory socialization. The International Journal of Organizational Analysis 7, P. 365-378.

Pedro, J.D. (1984). Induction into the workplace: The impact of internships. Journal of Vocational Behavior 25, P.80-95.

Shein, E.H. (1983). Coming to a New Awareness of Organizational Culture. Sloan Management Review, Vol 25, No.2, Page 3-16

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6, Ban chấp hành Trung ương Đảng Khoá XI về phát triển Khoa học công nghệ. Truy cập ngày 02/05/2022 tại: https://dangbodoanhnghieptinh.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/M0UUFstbTMq/content/ngphi-quyet-hoi-ngphi-trung-uong-6-khoa-xi-ve-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe.

Trần Thị Ngọc Lan, Bùi Hồng Đăng, Đặng Văn Thọ, Trần Thành Trung (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả HKDN: nghiên cứu tại Trường Đại Học Công Nghiệp Thực Phẩm thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học Công nghệ và Thực phẩm. Truy cập ngày 10/05/2023 tại: <https://vjol.info.vn/index.php/hufi/article/view/72668>.

Nguyễn Thị Diễm Tuyết, Ngô An, Lư Nguyễn Xuân Thanh và Ngô Xuân Hào (2022). Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chương trình HKDN tại Khoa Du lịch -Trường Đại học Văn Hiến. Tạp chí Khoa Học Đại Học Văn Hiến. Truy cập ngày 21/12/2022 tại: <https://tckh.vhu.edu.vn/vi/tieng-viet-1391/thuc-trang-va-giai-phap-nang-cao-hieu-qua-chuong-trinh-hoc-ky-doanh-nghiep-tai-khoa-du-lich-truong-dai-hoc-van-hien>.

Phan Thị Phương Thảo (2024). Sinh viên với HKDN (nghiên cứu trường hợp Khoa Du Lịch Ngoại Ngữ, Trường Đại Học Thành Đô). Tạp chí Nghiên cứu Khoa Học và Phát Triển. Truy cập ngày 29/12/2024 tại: <https://jsrd.thanhdo.edu.vn/index.php/khpt/article/view/189>.